

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mộng Hùng

Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Từ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

1/**Trần Văn T**; sinh năm: 1999 – Có mặt.

Nơi cư trú: xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Vũ Thị K; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 03/6/2017 Bị đồn công an Bắc Thăng Long, huyện Đông Anh, TP Hà Nội xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam ngày: 07/11/2017

2/ Người bị hại: Cháu Bùi Nam K, sinh năm 2003 - Có mặt.

3/ Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Nam K.

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1962 – Có mặt.

Cùng trú tại: xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Như D, sinh năm 1986 – Vắng không lý do.

Nơi ĐKNKTT: phố R, xã A, huyện L, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h30 ngày 17/10/2017 Trần Văn T và anh trai là Trần Văn T2 cầm theo một túi thuốc kháng sinh thông thường đi bộ từ nhà tại ra khu 4, thị trấn H để tìm nơi bán, khi đến trước cửa quán Internet Hùng Sỹ thì T nhìn thấy Bùi Nam K đang điều khiển xe đạp điện BKS 28MĐ7-014.20 đi qua nên vẫy gọi K lại, khi K dừng lại T nói K chở T2 đi bán thuốc, K đồng ý chở T2 đi bán tại một số quán nhưng không bán được nên quay về gặp T, T2 nói là không bán được, T liền quay sang hỏi mượn xe K đi ra hiệu thuốc Thanh Thư ở khu phố 4 để bán, K đồng ý và giao xe cho T, sau đó T điều khiển xe ra hiệu thuốc Thanh Thư bán nhưng không được nên quay lại chỗ T2 và K nói là không bán được thuốc và hỏi K cho mượn xe đi bán thuốc, K nói còn đi học thì T nói mượn 15 phút thôi, K đồng ý. Sau đó T điều khiển xe chở T2 đi lên Phố Sáu, Lạc Thịnh vào các hiệu thuốc để bán nhưng không được nên nói với T2 là cầm xe để lấy tiền, T2 không đồng ý và nói nếu cầm thì phải tìm cách nhổ ra trả cho người ta, T nói cứ cầm lấy tiền đã rồi tính sau, T2 không nói gì nữa, sau đó T chở T2 đi lên Lạc Sơn để cầm xe, khi đến cầu Búm, xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn thì T bảo T2 xuống đợi sau đó T điều khiển xe đến quán sửa chữa điện thoại của anh Phạm Như D là người quen trước, T nói với anh D cho T vay số tiền 1.000.000đ và để lại xe máy điện BKS 28MĐ7-014.20 làm tin và hẹn 10 ngày sẽ mang tiền đến trả và lấy lại xe. Anh D hỏi T là xe của ai, có giấy tờ không, T nói xe của gia đình nhưng bố mẹ không cho mang theo và hẹn mai sẽ mang giấy tờ lên đưa cho anh D, do quen biết nên anh D tin tưởng và lấy 1.000.000đ đưa cho T còn T giao xe máy điện BKS 28MĐ7-014.20 cho anh D, việc giao dịch giữa hai bên không làm giấy tờ và không tính lãi xuất. Sau khi vay được tiền T đi đến chỗ T2 rồi cùng nhau bắt xe buýt đi về Y, số tiền vay được T cầm và bỏ trốn ra Hà Nội chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 07/11/2017 T đến cơ quan công an huyện Y đầu thú.

Tại bản kết luận định giá số 46/KL-HĐĐG ngày 09/11/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận xe máy điện BKS 28MĐ7-014.20 có giá trị 7.000.000 (Bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng trạng số 01/CT-VKS ngày 15/01/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Trần văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điều 140, khoản 1, điểm a, Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 140, khoản 1, điểm a, Bộ luật hình sự năm 1999. Điều 51, khoản 1 điểm s, khoản 2, Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Trần Văn T từ 15 tháng đến 24 tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài

sản”, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trần Văn T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; vào khoảng 14h00 ngày 17/10/2017 T đã có hành vi mượn xe máy điện BKS 28MD7-014.20 của cháu Bùi Nam K để đi bán thuốc, K đồng ý giao xe cho T, sau đó T chở T2 đi lên Phố Sáu bán thuốc nhưng không được nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy điện của K; T điều khiển xe chở theo T2 đi lên xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn, khi đến cầu Búm thì T dừng xe cho T2 đứng đợi rồi điều khiển xe đến quán sửa điện thoại của anh D vay số tiền 1.000.000đồng và để lại xe làm tin. Sau khi có tiền T chỉ dùng cá nhân hết. Đến ngày 07/11/2017 T ra đầu thú còn T2 bỏ trốn.

Trong vụ án này hành vi của T ban đầu đơn thuần chỉ là mượn xe đạp điện của K để làm phương tiện đi lại trong khoảng thời gian ngắn và sau khi được K cho mượn xe đạp điện, T đã không mang trả như đã hứa và do muốn có tiền để tiêu sài cá nhân, T đã mang chiếc xe đạp điện đi cầm để lấy tiền tiêu sài và không có khả năng chuộc lại xe để trả cho K, T đã bỏ trốn. Với hành vi nêu trên của Trần Văn T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại điều 140 BLHS năm 1999.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an toàn xã hội, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo chiếm đoạt tài sản sau đó đi đặt lấy tiền tiêu xài rồi bỏ trốn nên đã đủ căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã ra đầu thú đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp mới đảm bảo nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, không có thu nhập ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cháu Bùi Nam K đã nhận lại tài sản là xe máy điện BKS 28MĐ7-014.20 và giấy tờ xe, nay cháu K và người đại diện không đề nghị bồi thường gì nên Tòa không đề cập.

Anh Phạm Như D cho Trần Văn T vay số tiền 1.000.000 đồng và nhận giữ xe làm tin, nay anh D không yêu cầu T phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: xe đạp điện BKS 28MĐ7-014.20 và giấy tờ xe, Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là cháu Bùi Nam K là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án còn có Trần Văn T2 tham gia trong việc đem xe của cháu Bùi Nam K đi đặt để vay tiền nhưng hiện T2 đã bỏ trốn khỏi địa phương khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Phạm Như D cho T vay tiền, anh D ngay tình không biết xe máy điện do bị cáo chiếm đoạt được mà có nên anh D không có lỗi vì vậy cơ quan điều tra không xử lý anh D về Hình sự là có căn cứ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt: Trần Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/11/2017.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Y.
- Cơ quan THADS huyện Y.
- Bị cáo, bị hại, người đại diện người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương

